

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI LỘC
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HSST
Ngày: 25/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Sinh.
- Ông Nguyễn Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72a/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐ-HPT ngày 08/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Trần Công T** - Giới tính: nam.

Tên gọi khác: không.

Sinh ngày: 24 tháng 02 năm 2000, tại: **Đ, Quảng Nam**.

Nơi ĐKKHKT: **Thôn A, xã Đ, huyện Đ; tỉnh Quảng Nam**.

Chỗ ở hiện nay: **Thôn A, xã Đ, huyện Đ**.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông **Trần Công T1** (sinh năm 1975) và bà **Phan Thị Hồng Đ** (sinh năm 1979) trú tại nước Mỹ.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất, chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/8/2023, bị TAND tỉnh Quảng Nam xử 05 năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ; Có mặt tại phiên toà.

2. Họ tên: Đoàn Trắc T2 - Giới tính: nam.

Tên gọi khác: không.

Sinh ngày: 22 tháng 5 năm 1989, tại: L, Bắc Giang.

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở hiện nay: Số D, ngõ E đường N, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Trình độ học vấn: 12/12.

Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Đoàn Trắc Đ1 (sinh năm 1962) và bà Cao Thị S (sinh năm 1962) trú tại thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Phạm Thị N (sinh năm 1999, trú tại thôn V, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP N16 (V). Địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phùng Bảo H – Chức vụ: Phó Trưởng phòng – Phụ trách Phòng G2. Địa chỉ: Thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (Theo văn bản uỷ quyền số 817//HOA-HCNSNQ ngày 21/11/2023); (có mặt).

* Người có nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:

1. Văn Thị T3, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

2. Võ Đình Nhựt D, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

3. Nguyễn Thị Yên N1, sinh năm: 2001; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)
4. Nguyễn Thị Tố Q, sinh năm: 2002; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)
5. Nguyễn Chánh T4, sinh năm: 2000; địa chỉ: Khối phố E, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)
6. Trần Thanh H1, sinh năm: 2004; địa chỉ: Khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)
7. Lê Khắc D1, sinh năm: 2000; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
8. Phạm Hưng H2, sinh năm: 2000; địa chỉ: Khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
9. Trương Công Quốc T5, sinh năm: 2000; địa chỉ: Khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, (vắng mặt)
10. Hà Như N2, sinh năm: 2003; địa chỉ: Khu A, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
11. Lê Thị Hồng N3, sinh năm: 2000; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, (vắng mặt).
12. Nguyễn Thị Chu A, sinh năm: 2000; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)
13. Nguyễn Thị Thanh T6, sinh năm: 2002; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, (vắng mặt)
14. Lê Thị Khánh L, sinh năm: 2002; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
15. Huỳnh Nguyễn Thanh T7, sinh năm: 2004; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
16. Trương Sông T8, sinh năm: 2004; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, (vắng mặt).
17. Nguyễn Thị Mỹ H3, sinh năm: 2001; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
18. Nguyễn Lê N4, sinh năm: 2001; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
19. Ngô Hồng L1, sinh năm: 2001; địa chỉ: Khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

20. Trương Việt T9, sinh năm: 2001; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
21. Huỳnh Quý T10, sinh năm: 1998; địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; (vắng mặt).
22. Lê Đức T11, sinh năm: 1998; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
23. Trần Thị Kim D2, sinh năm: 2000; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
24. Văn Thị Ly N5, sinh năm: 2000; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
25. Nguyễn Văn K, sinh năm: 2001; trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
26. Huỳnh Trương Thanh N6, sinh năm: 2003; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
27. Phan Tá A1, sinh năm: 1998; địa chỉ: Khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
28. Huỳnh Bảo Kim Y, sinh năm: 2002; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
29. Đào Duy K1, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
30. Trần Phan Minh T12, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
31. Mai Thế D3, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; (vắng mặt).
32. Phạm Tấn H4, sinh năm 2000; địa chỉ: Khối phố A, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
33. Phạm Thị Hạnh D4, sinh năm 2000; địa chỉ: Khối phố A, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
34. Phạm Thị Ngọc H5, sinh năm 2002; địa chỉ: Khối phố A, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
35. Lê Hữu Bảo T13, sinh năm 2003; địa chỉ: Khối phố B, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).
36. Lê Hữu Bảo T14, sinh năm 2000; địa chỉ: Khối phố A, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

37. Ngô Thanh T15, sinh năm 2002; địa chỉ: Khối phố Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

38. Nguyễn Văn T16, sinh năm 2000; địa chỉ: Khối phố V, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

39. Huỳnh Mạnh H6, sinh năm 2000; địa chỉ: Khối phố A, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

40. Nguyễn Đức B, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

41. Tô Nam P, sinh năm 2000; địa chỉ: Khối phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

42. Lê Văn Nhật N7, sinh năm 2003; địa chỉ: Khối phố B, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

43. Phan Thị Kin C, sinh năm 1999; địa chỉ: Khối phố A, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

44. Đỗ Thị Hồng N8, sinh năm 2002; địa chỉ: Khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

45. Đinh Thị Thanh H7, sinh năm 2002; địa chỉ: Khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

46. Nguyễn Thị Bích T17, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

47. Nguyễn Thị Thanh T18, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

48. Nguyễn Quốc B1, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

49. Lê Thị Minh B2, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

50. Phan Thị Thái M, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

51. Lê Thị Kiều L2, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

52. Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

53. Nguyễn Tuấn K2, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

54. Phan Đoàn Thị L3, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

55. Phan Lê Minh C1, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

56. Lê Thị Thanh B3, sinh năm 2004; địa chỉ: Khối phố B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

57. Phùng Thị Hùng G, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

58. Phan Tường S1, sinh năm 2001; địa chỉ: Thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

59. Trần Thị Phương T19, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

60. Trần Lê Quốc N9, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

61. Nguyễn Thị Kiều T20, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

62. Lê Ngọc Kỳ D5, sinh năm 2004; địa chỉ: Khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (có mặt).

63. Phan Thúy N10, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, (vắng mặt).

64. Phan Quỳnh N11, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, (vắng mặt).

65. Phạm Phú Đ3, sinh năm 2004; địa chỉ: Khu A, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

66. Lê Văn L4, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, (vắng mặt).

67. Phạm Hoàng Anh T21, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

68. Nguyễn Văn C2, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế; (vắng mặt).

69. Nguyễn Thị Hồng T22, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. (vắng mặt).

70. Nguyễn Phước Thanh T23, sinh năm 2003; địa chỉ: Khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

71. Lê Phạm Việt Q1, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt).

72. Trương Thị P1, sinh năm 2003; địa chỉ: Khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, (vắng mặt)

73. Nguyễn Thị Thúy N12, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

74. Đinh Thị Huỳnh N13, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

75. Nguyễn Đức Cao L5, sinh năm 2001; địa chỉ: Khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2020, Đoàn Trắc T2 là cộng tác viên của Công ty V1, phụ trách về việc phát triển gói cước. Do nhu cầu công việc cần thanh toán thẻ điện thoại, T2 đã tìm hiểu và biết được việc khi sử dụng ví điện tử Momo để nạp thẻ sẽ được hưởng khuyến mãi, tiết kiệm chi phí phải bỏ ra và để sử dụng ví điện tử M1 cho nhiều lần nạp thẻ cần có nhiều tài khoản ngân hàng để liên kết nên T2 đã thông qua mạng xã hội Facebook biết được Trần Công T có bán tài khoản ngân hàng, T2 sử dụng 01 điện thoại di động, nhãn hiệu S2, bên trong gắn sim số 0333.338.525 với tài khoản Zalo “Tuyên Đ4” liên lạc với T để mua tài khoản ngân hàng. Triệu thỏa thuận bán cho T2 mỗi tài khoản V số tiền là 500.000 đồng, mỗi tài khoản A2, T2 trả cho T số tiền là 150.000 đồng. Sau đó, thông qua các mối quan hệ quen biết trên mạng xã hội Facebook, T sử dụng 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi, bên trong gắn sim số 0705.064.751 để liên lạc với T2 và đăng bài viết trên Facebook về việc tìm người đến các ngân hàng trên để mở tài khoản ngân hàng bán cho T, mỗi người đến ngân hàng mở tài khoản, T sẽ trả cho họ số tiền từ 100.000 đồng đến 250.000 đồng, ngoài ra T phải trả tiền phí mở tài khoản ngân hàng V là 50.000 đồng/một tài khoản, ngân hàng A2 không tốn phí.

Ngoài ra, T còn nhờ Đinh Thị Thanh H7 (sinh năm: 2002, trú khu N, thị trấn Á, huyện Đ), Trần Thị Kim D2 (sinh năm: 2000, trú thôn Q, xã Đ, huyện Đ) và Nguyễn Lê N4 (sinh năm: 2001, trú thôn C, xã Đ, huyện Đ) giúp T tìm người đến mở tài khoản ngân hàng cho T, mỗi tài khoản Triệu trả từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/ tài khoản ngân hàng, T cung cấp số sim cho những người đến ngân hàng mở tài khoản để nhận mã OTP ngân hàng gửi đến, những người được Triệu liên lạc mở tài khoản ngân hàng sẽ đến ngân hàng V và A2 sử dụng chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân của họ mở tài khoản ngân hàng và đăng ký dịch vụ internet banking bằng số điện thoại mà T cung cấp, Triệu hướng dẫn các chủ tài khoản nêu nhân viên ngân hàng cho phép thì

mở tối đa số tài khoản được phép mở cùng lúc nên tùy vào nhân viên ngân hàng tiến hành thủ tục mà có trường hợp mở được 01, 02 hoặc 03 tài khoản ngân hàng. Sau khi mở tài khoản thành công, **T** lắp sim số vào điện thoại của **T** và nhận được tin nhắn của ngân hàng chứa thông tin tài khoản cùng mật khẩu OTP, **T** sẽ sử dụng điện thoại đăng nhập vào ứng dụng internetbanking của ngân hàng tương ứng và cài đặt mật khẩu internet banking của các tài khoản. Sau đó, **T** sử dụng điện thoại di động tạo 01 file tài liệu chứa thông tin của các tài khoản ngân hàng rồi gửi qua **Z** cho **T2** và gửi kèm các sim đã đăng ký internet banking với tài khoản ngân hàng cho **T2** bằng đường bưu điện. Tổng cộng **T** đã bán cho **T2** khoảng 119 tài khoản ngân hàng **V** với số tiền 59.500.000 đồng. Sau khi nhận được các tài khoản ngân hàng cùng sim số mà Triều gửi, **T2** tạo tài khoản **M1** và liên kết với tài khoản ngân hàng để thực hiện việc thanh toán thẻ điện thoại để hưởng khuyến mãi và thu lợi được số tiền khoảng 5.000.000 đồng, **T** thu lợi từ việc mua bán tài khoản ngân hàng 39.000.000 đồng. Qua điều tra xác minh làm việc được 104 chủ tài khoản ngân hàng **V** đã bán cho **T** gồm:

1. **Văn Thị T3** (sinh năm: 2001, trú thôn **D**, xã **Đ**, huyện **Đ**): đã cung cấp cho Triều 01 tài khoản ngân hàng **V**, STK: 1015178243. **T3** chỉ mở giúp tài khoản cho **T** và không thu lợi.

2. **Võ Đình Nhật D** (sinh năm: 2000, trú thôn **D**, xã **Đ**, huyện **Đ**) đã bán cho **T** 01 tài khoản ngân hàng **V**, STK: 1015276310. **T20** lợi số tiền là 150.000 đồng.

3. **Nguyễn Thị Yến N1** (sinh năm: 2001, trú thôn **P**, xã **Đ**, huyện **Đ**) bán cho **T** 01 tài khoản ngân hàng **V**, STK: 1015332357. Tuy nhiên, **N1** không nhận tiền từ việc bán tài khoản mà **Nguyễn Thị Tố Q** (là em ruột của **N1**) nhận số tiền 150.000 đồng.

4. **Nguyễn Thị Tố Q** (sinh năm: 2002, trú thôn **P**, xã **Đ**, huyện **Đ**) bán cho **T** 01 tài khoản ngân hàng **V**, STK: 1015333047. **T20** lợi số tiền là 300.000 đồng (trong đó có tiền bán tài khoản của **Nguyễn Thị Yến N1**).

5. **Nguyễn Chánh T24** (sinh năm: 2000, trú khối phố **E**, phường **V**, thị xã **Đ**) bán cho **T** 01 tài khoản ngân hàng **V**, STK: 1015435713. **T20** lợi số tiền là 200.000 đồng.

6. **Trần Thanh H1** (sinh năm: 2004, trú khu **N**, thị trấn **Á**, huyện **Đ**) bán cho **T** 01 tài khoản ngân hàng **V**, STK: 1015449161. **T20** lợi số tiền là 100.000 đồng.

7. **Lê Khắc D1** (sinh năm: 2000, trú thôn **B**, xã **Đ**, huyện **Đ**) bán cấp cho Triều 01 tài khoản ngân hàng **V**, STK: 1015439586. **T20** lợi số tiền là 100.000 đồng.

8. **Phạm Hưng H2** (sinh năm: 2000, trú khối phố **T**, phường **Đ**, thị xã **Đ**) bán cho **T** 01 tài khoản ngân hàng **V**, STK: 1015436569. **T20** lợi số tiền là 200.000 đồng.

9. **Trương Công Quốc T5** (sinh năm: 2000, trú khối phố **T**, phường **Đ**, thị xã **Đ**) bán cho **T** 01 tài khoản ngân hàng **V**, STK: 1015436993. **T20** lợi số tiền là 100.000 đồng.

10. Hà Như N2 (sinh năm: 2003, trú khu A, thị trấn Á, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015438593. T20 lợi số tiền là 150.000 đồng.
11. Lê Thị Hồng N3 (sinh năm: 2000, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015466736. T20 lợi số tiền là 150.000 đồng.
12. Nguyễn Thị Chu A (sinh năm: 2000, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015466865. T20 lợi số tiền là 150.000 đồng.
13. Nguyễn Thị Thanh T6 (sinh năm: 2002, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015471007. T20 lợi số tiền là 100.000 đồng.
14. Lê Thị Khánh L (sinh năm: 2002, trú thôn Đ, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015470555. T20 lợi số tiền là 100.000 đồng.
15. Huỳnh Nguyễn Thanh T7 (sinh năm: 2004, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015481822. T20 lợi số tiền là 150.000 đồng.
16. Tường Sông T8 (sinh năm: 2004, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015482217. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.
17. Nguyễn Thị Mỹ H3 (sinh năm: 2001, trú thôn C, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015485139. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.
18. Nguyễn Lê N4 (sinh năm: 2001, trú thôn C, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015485455. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng. Ngoài ra, N4 giới thiệu Trương Việt T9, Ngô Hồng L1 và Nguyễn Thị Mỹ H3 cho T để hưởng lợi với tổng số tiền 150.000 đồng.
19. Ngô Hồng L1 (sinh năm: 2001, trú khu N, thị trấn Á, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015490894. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.
20. Trương Việt T9 (sinh năm: 2001, trú thôn A, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015493169. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.
21. Huỳnh Quý T10 (sinh năm: 1998, trú thôn Đ, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015570982. T8 lợi số tiền là 200.000 đồng.
22. Lê Đức T11 (sinh năm: 1998, trú thôn C, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015430441. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.
23. Trần Thị Kim D2 (sinh năm: 2000, trú thôn Q, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 02 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015189775, 1015189580, thu lợi số tiền là 150.000 đồng. Ngoài ra, D2 giới thiệu Nguyễn Thị Tố Q, Lê Khắc D1, Trần Phan Minh T12 cho T để hưởng lợi với tổng số tiền 150.000 đồng.

24. Văn Thị Ly N5 (sinh năm: 2000, trú thôn D, xã Đ, huyện Đ): bán cho Triều 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015177715, 1015177792, 1015177872. N5 chỉ mở giúp tài khoản cho T và không thu lợi.

25. Nguyễn Văn K (sinh năm: 2001, trú thôn B, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015189506, 1015189298, 1015187059. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.

26. Huỳnh Trương Thanh N6 (sinh năm: 2003, trú thôn Q, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015244749, 1015244872, 1015244982. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.

27. Phan Tá A1 (sinh năm: 1998, trú khu N, thị trấn Á, huyện Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015242597, 1015245303, 1015245369. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.

28. Huỳnh Bảo Kim Y (sinh năm: 2002, trú thôn G, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015244368, 1015244254, 1015244110. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.

29. Đào Duy K1 (sinh năm: 2003, trú thôn Q, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015243235, 1015243111, 1015233876. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.

30. Trần Phan Minh T12 (sinh năm: 2000, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015240854, 1015241251, 1015241352. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.

31. Mai Thế D3 (sinh năm: 2000, trú Xóm A, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015452306, 1015452369, 1015452447. T8 lợi số tiền là 200.000 đồng.

32. Phạm Tấn H4 (sinh năm: 2000, trú khối phố A, phường V, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015856646, 1015856560, 1015856346. T8 lợi số tiền là 200.000 đồng.

33. Phạm Thị Hạnh D4 (sinh năm: 2000, trú khối phố A, phường V, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015885539, 1015885421, 1015885143. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.

34. Phạm Thị Ngọc H5 (sinh năm: 2002, trú khối phố A, phường V, thị xã Đ) cung cấp cho Triều 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015886118, 1015885989, 1015886244. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.

35. Lê Hữu Bảo T13 (sinh năm: 2003, trú khối phố B, phường V, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015898412, 1015898348, 1015898144. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.

36. Lê Hữu Bảo T14 (sinh năm: 2000, trú khối phố A, phường V, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015899256, 1015899160, 1015899040. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.

37. Ngô Thanh T15 (sinh năm: 2002, trú khối phố Đ, phường Đ, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015918969, 1015918885, 1015919026. T8 lợi số tiền là 120.000 đồng.

38. Nguyễn Văn T16 (sinh năm: 2000, trú khối phố V, phường Đ, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016058354, 1016058068, 1016057779. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.

39. Huỳnh Mạnh H6 (sinh năm: 2000, trú khối phố A, phường V, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016070987, 1016070927, 1016069712. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.

40. Nguyễn Đức B (sinh năm: 2000, trú thôn H, xã Đ, thị xã Đ) bán cho T 02 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016098540, 1016098715. T8 lợi số tiền là 200.000 đồng.

41. Tô Nam P (sinh năm: 2000, trú khối phố N, phường Đ, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016133063, 1016133269, 1016133203. T8 lợi số tiền là 200.000 đồng.

42. Lê Văn Nhật N7 (sinh năm: 2033, trú khối phố B, phường V, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016199664, 1016199615, 1016199450. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.

43. Phan Thị Kim C3 (sinh năm: 1999, trú khối phố A, phường V, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016318803, 1016318267, 1016318990. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.

44. Đỗ Thị Hồng N8 (sinh năm: 2002, trú khu N, thị trấn Á, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015907059. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.

45. Đinh Thị Thanh H7 (sinh năm: 2002, trú khu N, thị trấn Á, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015907203, thu lợi số tiền là 150.000 đồng. Ngoài ra, H7 giới thiệu Đỗ Thị Hồng N8, Nguyễn Quốc B1, Nguyễn Đức Cao L5, Phan Đoàn Thị L3, Phan Lê Minh C1, Phan Tường S1, Đinh Thị Huỳnh N13, Phan Thúy N10, Lê Ngọc Kỳ D5, Trần Thị Phương T19, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Tuấn K2, Phan Thị Thái M, Lê Thị Bình M2 để hưởng lợi với tổng số tiền 1.400.000 đồng.

46. Nguyễn Thị Bích T17 (sinh năm: 2002, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015907495. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.

47. Nguyễn Thị Thanh T18 (sinh năm: 2002, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015907559. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.

48. Nguyễn Quốc B1 (sinh năm: 1998, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015907805. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.
49. Lê Thị Bình M2 (sinh năm: 1999, trú thôn G, xã Đ, thị xã Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015932544. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.
50. Phạm Thị Thái M3 (sinh năm: 2003, trú thôn Đ, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015931555. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.
51. Lê Thị Kiều L2 (sinh năm: 2003, trú thôn L, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015940488. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.
52. Nguyễn Văn Đ2 (sinh năm: 2004, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015953116. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.
53. Nguyễn Tuấn K2 (sinh năm: 2003, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015952171. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.
54. Phan Đoàn Thị L3 (sinh năm: 2001, trú thôn M, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015952791. T8 lợi số tiền 100.000 đồng.
55. Phan Lê Minh C1 (sinh năm: 2004, trú thôn M, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015951796. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.
56. Lê Thị Thanh B3 (sinh năm: 2004, trú khối phố B, phường Đ, thị xã Đ): cung cấp cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 10160103318. B3 chỉ mở tài khoản giúp nên không thu lợi.
57. Phùng Thị Hồng G1 (sinh năm: 2002, trú thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng) bán cho Triệu 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016295067. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.
58. Phan Tường S1 (sinh năm: 2001, trú thị trấn Á, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016304556. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.
59. Trần Thị Phương T19 (sinh năm: 2001, trú thôn G, xã Đ, thị xã Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016311448. T8 lợi số tiền là 100.000 đồng.
60. Trần Lê Quốc N14 (sinh năm: 2003, trú thôn Đ, xã Đ, huyện Đ) cung cấp cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016323732. T8 lợi số tiền là 150.000 đồng.
61. Nguyễn Thị Kiều T20 (SN: 2003, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) cung cấp cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016343085. T20 chỉ mở giúp tài khoản nên không thu lợi.
62. Lê Ngọc Kỳ D5 (sinh năm: 2004, trú khu N, thị trấn Á, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016388511. T20 lợi số tiền là 100.000 đồng.

63. Phan Thúy N10 (sinh năm: 2004, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016388503. T20 lợi số tiền là 100.000 đồng.

64. Phan Quỳnh N11 (sinh năm: 2000, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) cung cấp cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016538618. Như chỉ mở giúp tài khoản nên không thu lợi.

65. Nguyễn Thị Hồng T22 (sinh năm: 1999, trú thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế) cung cấp cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015.610.972, 1015.611.026, 1015.611.077, T22 chỉ mở giúp tài khoản nên không thu lợi.

66. Phạm Phú Thành Đ5 (sinh năm: 2004, trú khu A, thị trấn Á, huyện Đ) cung cấp cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015.449.551, hiện nay T23 không có mặt tại địa phương nên không xác định số tiền thu lợi.

67. Lê Văn L4 (sinh năm: 2001, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015.436.135, đã chết nên không xác định tiền thu lợi.

68. Phạm Hoàng Anh T21 (SN: 2001, trú thôn L, xã Đ, thị xã Đ) cung cấp cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015.491.122, hiện nay T21 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không có mặt tại địa phương nên không xác định số tiền thu lợi.

69. Nguyễn Văn C2 (sinh năm: 1998, trú thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế) cung cấp cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015.647.352, hiện nay C2 không có mặt tại địa phương nên không xác định số tiền thu lợi.

70. Nguyễn Phước Thanh T23 (sinh năm: 2003, trú khối phố T, phường Đ, thị xã Đ) bán cho T 03 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016.190.929, 1016.190992, 1016.190.415, hiện nay T23 không có mặt tại địa phương nên không xác định số tiền thu lợi.

71. Lê Phạm Việt Q1 (sinh năm: 2002, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015.952.548, hiện nay Q1 không có mặt tại địa phương nên không xác định số tiền thu lợi.

72. Trương Thị P1 (sinh năm: 2003, trú khu N, thị trấn Á, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016321926, hiện nay P1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không có mặt tại địa phương nên không xác định số tiền thu lợi.

73. Nguyễn Thị Thúy N12 (sinh năm: 2001, trú thôn T, xã Đ, huyện Đ) cung cấp cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016.332.816, hiện nay N12 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không có mặt tại địa phương nên không xác định số tiền thu lợi.

74. Đinh Thị Huỳnh N13 (sinh năm: 2000, trú thôn Đ, xã Đ, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1016.371.830 hiện nay Như đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không có mặt tại địa phương nên không xác định số tiền thu lợi.

75. Nguyễn Đức Cao L5 (sinh năm: 2001, trú khu N, thị trấn Á, huyện Đ) bán cho T 01 tài khoản ngân hàng V, STK: 1015939894, không có mặt tại địa phương nên không xác định số tiền thu lợi.

Tại cáo trạng số 65/CT-VKSĐL ngày 20/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc truy tố các bị cáo Trần Công T, Đoàn Trắc T2 về tội “Mua bán công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trần Công T, Đoàn Trắc T2 về tội danh như cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 291, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Trần Công T phạm tội: “Mua bán công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” đề nghị xử phạt bị cáo Trần Công T từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Tại bản án số 73/2023/HS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt bị cáo Trần Công T phải chấp hành là 05 năm tù. Nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án nói trên tuyên buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo T từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

+ Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 291, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Đoàn Trắc T2 phạm tội: “Mua bán công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” đề nghị xử phạt bị cáo T2 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo T2 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc căn cứ Điều 47 Bộ luật BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 BLTTHS 2015, đề nghị:

- Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 12Promax số Imei 35674115735975 bên trong có số điện thoại 0705.064.751 của Trần Công T, quá trình điều tra không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho T.

- Hủy bỏ lệnh phong tỏa của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đối với 37 tài khoản, đối với các tài khoản này chủ tài khoản khai nhận đã bán và không sử dụng nên yêu cầu ngân hàng Thương mại cổ phần N16 (V) có trách nhiệm chuyển toàn bộ số dư của các tài khoản ngân hàng trên để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với tài khoản 19035740107010 ngân hàng TMCP K4 và tài khoản 1013548777 ngân hàng V của Trần Công T; tài khoản 1903339991106 ngân hàng TMCP K4 của Đoàn Trắc T2, quá trình điều tra xét thấy các bị cáo sử dụng để chuyển tiền mua bán tài khoản và hiện nay các bị cáo đã nộp số tiền thu lợi bất chính xong nên

cần xem xét hủy bỏ lệnh phong tỏa giao lại cho các bị cáo tiếp tục sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán các tài khoản ngân hàng đối với anh **Võ Đình N15 D** số tiền là 150.000 đồng, **Nguyễn Thị Yến N1** số tiền là 150.000 đồng, **Nguyễn Thị Tố Q** số tiền là 150.000 đồng, **Nguyễn Chánh T24** số tiền là 200.000 đồng, **Trần Thanh H1** số tiền là 100.000 đồng, **Lê Khắc D1** số tiền là 150.000 đồng, **Phạm Hưng H2** số tiền 200.000 đồng, **Trương Công Quốc T5** số tiền 100.000 đồng, **Hà Như N** số tiền 150.000 đồng, **Lê Thị Hồng N3** số tiền 150.000 đồng, **Nguyễn Thị Chu A** số tiền 150.000 đồng, **Nguyễn Thị Thanh T6** số tiền 100.000 đồng, **Lê Thị Khánh L** số tiền 100.000 đồng, **Huỳnh Nguyễn Thanh T7** số tiền 150.000 đồng, **Tường S** số tiền 150.000 đồng, **Nguyễn Thị Mỹ H3** số tiền 150.000 đồng, **Nguyễn Lê N4** số tiền 300.000 đồng, **Ngô Hồng L1** số tiền 150.000 đồng, **Trương Việt T9** số tiền 150.000 đồng, **Huỳnh Quý T10** số tiền 200.000 đồng, **Lê Đức T11** số tiền 150.000 đồng, **Trần Thị Kim D2** số tiền 300.000 đồng, **Nguyễn Văn K** số tiền 150.000 đồng, **Huỳnh Trương Thanh N6** số tiền 150.000, **Phan Tá A1** số tiền 150.000 đồng, **Huỳnh Bảo Kim Y** số tiền 150.000 đồng, **Đào Duy K1** số tiền 150.000 đồng, **Trần Phan Minh T12** số tiền 150.000 đồng, **Mai Thế D3** số tiền 200.000 đồng, **Phạm Tấn H4** số tiền 200.000 đồng, **Phạm Thị Hạnh D4** số tiền 100.000 đồng, **Phạm Thị Ngọc H5** số tiền 100.000 đồng, **Lê Hữu Bảo T13** số tiền 100.000 đồng, **Phạm Đoàn Thị L6** số tiền 100.000 đồng, **Lê Hữu B4** Thạch số tiền 100.000 đồng, **Ngô Thanh T15** số tiền 120.000 đồng, **Nguyễn Văn T16** số tiền 100.000 đồng, **Huỳnh Mạnh H6** số tiền 100.000 đồng, **Nguyễn Đức B** số tiền 200.000 đồng, **Tô Nam P** số tiền 200.000 đồng, **Lê Văn Nhật N7** số tiền 100.000 đồng, **Phan Thị Kim C3** số tiền 100.000 đồng, **Đỗ Thị Hồng N8** số tiền 100.000 đồng, **Đinh Thị Thanh H7** số tiền 1.550.000 đồng, **Nguyễn Thị Bích T17** số tiền 150.000 đồng, **Nguyễn Thị Thanh T18** số tiền 100.000 đồng, **Nguyễn Quốc B1** số tiền 100.000 đồng, **Lê Thị Bình M2** số tiền 100.000 đồng, **Phạm Thị Thái M3** số tiền 100.000 đồng, **Lê Thị Kiều L2** số tiền 100.000 đồng, **Nguyễn Văn Đ2** số tiền 100.000 đồng, **Nguyễn Tuấn K2** số tiền 100.000 đồng, **Phan Lê Minh C1** số tiền 100.000 đồng, **Phùng Thị Hồng G1** số tiền 100.000 đồng, **Phan Tường S1** số tiền 150.000 đồng, **Trần Thị Phương T19** số tiền 100.000 đồng, **Trần Lê Quốc N14** số tiền 150.000 đồng, **Lê Ngọc K3** Duyên số tiền 100.000 đồng, **Phan Thúy N10** số tiền 100.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Trần Công T**, **Đoàn Trắc T2** thừa nhận hành vi của mình. Các bị cáo thống nhất với nội dung Cáo trạng, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Đồng thời mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng. Tuy nhiên, những người này đã có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có tại hồ sơ vụ án; Việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng họ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[1.2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Công T, Đoàn Trắc T2 khai nhận: Trong thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 8 năm 2020, thông qua mối quan hệ quen biết và mạng xã hội Facebook Trần Công T đã có hành vi mua 119 tài khoản ngân hàng V với số tiền 59.500.000 đồng, không có thủ tục ủy quyền, không được sự cho phép của ngân hàng hoặc cơ quan có thẩm quyền rồi bán lại cho Đoàn Trắc T2 sử dụng các tài khoản này sử dụng ví điện tử Momo để nạp thẻ sẽ hưởng khuyến mãi, tiết kiệm chi phí, quá trình mua bán tài khoản T thu lợi bất chính số tiền 39.000.000 đồng và Đoàn Trắc T2 thu lợi số tiền 5.000.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Công T, Đoàn Trắc T2 phạm tội “Mua bán công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo a khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì thấy: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi thu thập, mua bán thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác là trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tổng số tài khoản ngân hàng mà các bị cáo mua trái phép thông tin là 119 tài khoản. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được bảo vệ về bí mật thông tin của cá nhân, xâm phạm trật tự an toàn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và tạo điều kiện cho việc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác. Do vậy cần xử phạt nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo **Trần Công T** vào ngày 29/8/2023 bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 05 năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhiều thành tích xuất sắc trong học tập và tự nguyện giao nộp tiền thu lợi bất chính. Bị cáo **T** hiện đang chấp hành án theo Bản án số 73/2023/HS-ST ngày 29/8/2023 của **Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam** xử phạt bị cáo **T** 05 năm tù. HĐXX sẽ áp dụng Điều 56 BLHS để tổng hợp bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và bản án này buộc bị cáo **T** phải chấp hành là phù hợp.

[4.2] Bị cáo **Đoàn Trắc T2** có nhân thân tốt trong quá trình điều tra, truy tố bị can đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện giao nộp tiền thu lợi bất chính và có người thân tham gia cách mạng nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng cho các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ tại nơi bị cáo cư trú dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo **T2** hiện nay có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 12Promax số Imei 35674115735975 bên trong có số điện thoại 0705.064.751 của **Trần Công T**, quá trình điều tra không liên quan đến hành vi phạm tội nên xem xét trả lại cho bị cáo **T** là phù hợp.

- Đối với số dư của 37 tài khoản đang bị Cơ quan CSĐT **Công an huyện Đ** phong tỏa. Người có quyền lợi liên quan trong vụ án không có nhu cầu tiếp tục sử dụng các tài khoản này và khai không liên quan gì đến số dư còn lại hiện nay đối với các tài khoản này. Quá trình điều tra cũng không xác định được nguồn gốc các giao dịch đối với các số dư trong các tài khoản này. Do đó, HĐXX xét thấy cần hủy bỏ lệnh phong tỏa của Cơ quan CSĐT **Công an huyện Đ** đối với 37 tài khoản và chuyển toàn bộ số dư của các tài khoản này (nếu có tại thời điểm thi hành án) để thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Đối với tài khoản 1015187059 **ngân hàng V** do **Nguyễn Văn K** đứng tên chủ tài khoản và tài khoản 1015611077 **ngân hàng V** do **Nguyễn Thị Hồng T22** đứng tên chủ tài khoản, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam hủy bỏ lệnh phong tỏa đối với 02 tài khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với tài khoản 19035740107010 **ngân hàng TMCP K4** và tài khoản 1013548777 **ngân hàng V** của **Trần Công T**; tài khoản 1903339991106 **ngân hàng**

TMCP K4 của Đoàn Trắc T2, quá trình điều tra xét thấy các bị cáo sử dụng để chuyển tiền mua bán tài khoản và hiện nay các bị cáo đã nộp số tiền thu lợi bất chính xong nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc đề nghị HĐXX ra Quyết định Hủy bỏ lệnh phong tỏa của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và giao lại cho các bị cáo tiếp tục sử dụng là hợp pháp.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán các tài khoản ngân hàng đối với anh Võ Đình N15 D số tiền là 150.000 đồng, Nguyễn Thị Yến N1 số tiền là 150.000 đồng, Nguyễn Thị Tô Q số tiền là 150.000 đồng, Nguyễn Chánh T24 số tiền là 200.000 đồng, Trần Thanh H1 số tiền là 100.000 đồng, Lê Khắc D1 số tiền là 150.000 đồng, Phạm Hưng H2 số tiền 200.000 đồng, Trương Công Quốc T5 số tiền 100.000 đồng, Hà Như N số tiền 150.000 đồng, Lê Thị Hồng N3 số tiền 150.000 đồng, Nguyễn Thị Chu A số tiền 150.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh T6 số tiền 100.000 đồng, Lê Thị Khánh L số tiền 100.000 đồng, Huỳnh Nguyễn Thanh T7 số tiền 150.000 đồng, Tường S số tiền 150.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H3 số tiền 150.000 đồng, Nguyễn Lê N4 số tiền 300.000 đồng, Ngô Hồng L1 số tiền 150.000 đồng, Trương Việt T9 số tiền 150.000 đồng, Huỳnh Quý T10 số tiền 200.000 đồng, Lê Đức T11 số tiền 150.000 đồng, Trần Thị Kim D2 số tiền 300.000 đồng, Nguyễn Văn K số tiền 150.000 đồng, Huỳnh Trương Thanh N6 số tiền 150.000, Phan Tá A1 số tiền 150.000 đồng, Huỳnh Bảo Kim Y số tiền 150.000 đồng, Đào Duy K1 số tiền 150.000 đồng, Trần Phan Minh T12 số tiền 150.000 đồng, Mai Thế D3 số tiền 200.000 đồng, Phạm Tấn H4 số tiền 200.000 đồng, Phạm Thị Hạnh D4 số tiền 100.000 đồng, Phạm Thị Ngọc H5 số tiền 100.000 đồng, Lê Hữu Bảo T13 số tiền 100.000 đồng, Phạm Đoàn Thị L6 số tiền 100.000 đồng, Lê Hữu B4 Thạch số tiền 100.000 đồng, Ngô Thanh T15 số tiền 120.000 đồng, Nguyễn Văn T16 số tiền 100.000 đồng, Huỳnh Mạnh H6 số tiền 100.000 đồng, Nguyễn Đức B số tiền 200.000 đồng, Tô Nam P số tiền 200.000 đồng, Lê Văn Nhật N7 số tiền 100.000 đồng, Phan Thị Kim C3 số tiền 100.000 đồng, Đỗ Thị Hồng N8 số tiền 100.000 đồng, Đinh Thị Thanh H7 số tiền 1.550.000 đồng, Nguyễn Thị Bích T17 số tiền 150.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh T18 số tiền 100.000 đồng, Nguyễn Quốc B1 số tiền 100.000 đồng, Lê Thị Bình M2 số tiền 100.000 đồng, Phạm Thị Thái M3 số tiền 100.000 đồng, Lê Thị Kiều L2 số tiền 100.000 đồng, Nguyễn Văn Đ2 số tiền 100.000 đồng, Nguyễn Tuấn K2 số tiền 100.000 đồng, Phan Lê Minh C1 số tiền 100.000 đồng, Phùng Thị Hồng G1 số tiền 100.000 đồng, Phan Tường S1 số tiền 150.000 đồng, Trần Thị Phương T19 số tiền 100.000 đồng, Trần Lê Quốc N14 số tiền 150.000 đồng, Lê Ngọc K3 Duyên số tiền 100.000 đồng, Phan Thúy N10 số tiền 100.000 đồng.

+ Các vấn đề khác:

Đối với hành vi lập tài khoản và bán tài khoản ngân hàng của Võ Đình Nhựt D, Nguyễn Thị Yến N1, Nguyễn Thị Tô Q, Nguyễn Chánh T24, Trần Thanh H1, Lê Khắc D1, Phạm Hưng H2, Trương Công Quốc T5, Hà Như N2, Lê Thị Hồng N3, Nguyễn Thị

Chu A, Nguyễn Thị Thanh T6, Lê Thị Khánh L, Huỳnh Nguyễn Thanh T7, Tường S, Nguyễn Thị Mỹ H3, Nguyễn Lê N4, Ngô Hồng L1, Trương Việt T9, Huỳnh Quý T10, Lê Đức T11, Trần Thị Kim D2, Nguyễn Văn K, Huỳnh Trương Thanh N6, Phan Tá A1, Huỳnh Bảo Kim Y, Đào Duy K1, Trần Phan Minh T12, Mai Thế D3, Phạm Tấn H4, Phạm Thị Hạnh D4, Phạm Thị Ngọc H5, Ngô Thanh T15, Nguyễn Văn T16, Huỳnh Mạnh H6, Nguyễn Đức B, Tô Nam P, Lê Văn Nhật N7, Phan Thị Kim C3, Đỗ Thị Hồng N8, Đinh Thị Thanh H7, Nguyễn Thị Bích T17, Nguyễn Thị Thanh T18, Nguyễn Quốc B1, Lê Thị Bình M2, Phạm Thị Thái M3, Lê Thị Kiều L2, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Tuấn K2, Phan Lê Minh C1, Phùng Thị Hồng G1, Phan Tường S1, Trần Thị Phương T19, Trần Lê Quốc N14, Lê Ngọc Kỳ D5, Phan Thúy N10 với số lượng dưới 20 tài khoản và thu lợi dưới 20.000.000 đồng, do đó không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*” quy định tại Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Đinh Thị Thanh H7, Trần Thị Kim D2 và Nguyễn Lê N4 là những người mở tài khoản và giới thiệu người mở tài khoản nhưng số lượng dưới 20 tài khoản và thu lợi dưới 20.000.000 đồng, do đó không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*” quy định tại Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 291, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trần Công T phạm tội: “*Mua bán công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*”.

Xử phạt: bị cáo Trần Công T 06 (sáu) tháng tù.

***Tổng hợp hình phạt:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Trần Công T phải chấp hành hình phạt chung cho bản án này và bản án số 73/2023/HS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 03/8/2023; được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 29/11/2021 đến ngày 31/8/2022).

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Công T** số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

2. Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 291, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Đoàn Trắc T2** phạm tội: “Mua bán công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”

Xử phạt: bị cáo **Đoàn T25** Tuyên 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự **Công an thành phố B**, tỉnh Bắc Giang nhận được quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Đoàn Trắc T2** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Về vật chứng: Điều 47 Bộ luật BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 BLTTHS 2015, tuyên:

+ Trả lại cho **T** 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12Promax số Imei 35674115735975 bên trong có số điện thoại 0705.064.751 của **Trần Công T** (vật chứng đang niêm phong hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc quản lý).

- Hủy bỏ lệnh phong tỏa số 13/ LPT-HS ngày 08/9/2023 của Cơ quan CSĐT **Công an huyện Đ** đối với 37 tài khoản sau đây: và yêu cầu **ngân hàng Thương mại cổ phần N16 (V)** có trách nhiệm chuyển toàn bộ số dư của các tài khoản này vào **ngân hàng T26** vào ngân sách Nhà nước đối với 37 tài khoản sau:

1/Tài khoản 1015276310 **ngân hàng V** do **Võ Đình N15 D** đứng tên chủ tài khoản.

2/Tài khoản 1015333047 **ngân hàng V** do **Nguyễn Thị Tố Q** đứng tên chủ tài khoản.

3/Tài khoản 1015332357 **ngân hàng V** do **Nguyễn Thị Yến N1** đứng tên chủ tài khoản.

4/Tài khoản 1015435713 **ngân hàng V** do **Nguyễn Chánh T24** đứng tên chủ tài khoản.

5/Tài khoản 1015449161 **ngân hàng V** do **Trần Thanh H1** đứng tên chủ tài khoản.

6/Tài khoản 1015449551 **ngân hàng V** do **Phạm Phú Thành Đ5** đứng tên chủ tài khoản.

7/Tài khoản 1015436135 **ngân hàng V** do **Lê Văn L4** đứng tên chủ tài khoản.

8/Tài khoản 1015439586 **ngân hàng V** do **Lê Khắc D1** đứng tên chủ tài khoản.

9/Tài khoản 1015436569 **ngân hàng V** do **Phạm Hưng H2** đứng tên chủ tài khoản.

10/Tài khoản 1015436993 **ngân hàng V** do **Trương Công Quốc T5** đứng tên chủ tài khoản.

- 11/Tài khoản 1015438593 ngân hàng V do H N đứng tên chủ tài khoản.
- 12//Tài khoản 1015485455 ngân hàng V do Nguyễn Lê N4 đứng tên chủ tài khoản.
- 13/Tài khoản 1015493169 ngân hàng V do Trương Việt T9 đứng tên chủ tài khoản.
- 14/Tài khoản 1015491122 ngân hàng V do Phạm Hoàng Anh T21 đứng tên chủ tài khoản.
- 15/Tài khoản 1015177792 ngân hàng V do Văn Thị Ly N5 đứng tên chủ tài khoản.
- 16/Tài khoản 1015244872 ngân hàng V do Huỳnh Trương Thanh N6 đứng tên chủ tài khoản.
- 17/Tài khoản 1015885143 ngân hàng V do Phạm Thị Hạnh D4 đứng tên chủ tài khoản.
- 18/Tài khoản 1015898412 ngân hàng V do Lê Hữu Bảo T13 đứng tên chủ tài khoản.
- 19/Tài khoản 1015918969 ngân hàng V do Ngô Thanh T15 đứng tên chủ tài khoản.
- 20/Tài khoản 1016070987 ngân hàng V do Huỳnh Mạnh H6 đứng tên chủ tài khoản.
- 21/Tài khoản 1016133269 ngân hàng V do Tô Nam P đứng tên chủ tài khoản.
- 22/Tài khoản 1016190929 ngân hàng V do Nguyễn Phước Thanh T23 đứng tên chủ tài khoản.
- 23/Tài khoản 1015907059 ngân hàng V do Đỗ Thị Hồng N8 đứng tên chủ tài khoản.
- 24/Tài khoản 1015907203 ngân hàng V do Đinh Thị Thanh H7 đứng tên chủ tài khoản.
- 25/Tài khoản 1015907495 ngân hàng V do Nguyễn Thị Bích T17 đứng tên chủ tài khoản.
- 26/Tài khoản 1015907559 ngân hàng V do Nguyễn Thị Thanh T18 đứng tên chủ tài khoản.
- 27/Tài khoản 1015907805 ngân hàng V do Nguyễn Quốc B1 đứng tên chủ tài khoản.

28/Tài khoản 1015932544 ngân hàng V do Lê Thị Bình M2 đứng tên chủ tài khoản.

29/Tài khoản 1015931555 ngân hàng V do Phạm Thị Thái M3 đứng tên chủ tài khoản.

30/Tài khoản 1015939894 ngân hàng V do Nguyễn Đức Cao L5 đứng tên chủ tài khoản.

31/Tài khoản 1015951796 ngân hàng V do Phan Lê Minh C1 đứng tên chủ tài khoản.

32/Tài khoản 1016010318 ngân hàng V do Lê Thị Thanh B3 đứng tên chủ tài khoản.

33/Tài khoản 1016295067 ngân hàng V do Phùng Thị Hồng G1 đứng tên chủ tài khoản.

34/Tài khoản 1016311448 ngân hàng V do Trần Thị Phương T19 đứng tên chủ tài khoản.

35/Tài khoản 1016323732 ngân hàng V do Trần Lê Quốc N14 đứng tên chủ tài khoản.

36/Tài khoản 1016332816 ngân hàng V do Nguyễn Thị Thúy N12 đứng tên chủ tài khoản.

37/Tài khoản 1016371830 ngân hàng V do Đinh Thị Huỳnh N13 đứng tên chủ tài khoản.

Đề nghị ngân hàng Thương mại cổ phần N16 (V) có trách nhiệm chuyển toàn bộ số dư của các tài khoản này (nếu còn tại thời điểm thi hành án) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà theo quy định.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán các tài khoản ngân hàng đối với anh Võ Đình N15 D số tiền là 150.000 đồng, Nguyễn Thị Yến N1 số tiền là 150.000 đồng, Nguyễn Thị Tô Q số tiền là 150.000 đồng, Nguyễn Chánh T24 số tiền là 200.000 đồng, Trần Thanh H1 số tiền là 100.000 đồng, Lê Khắc D1 số tiền là 150.000 đồng, Phạm Hưng H2 số tiền 200.000 đồng, Trương Công Quốc T5 số tiền 100.000 đồng, Hà Như N số tiền 150.000 đồng, Lê Thị Hồng N3 số tiền 150.000 đồng, Nguyễn Thị Chu A số tiền 150.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh T6 số tiền 100.000 đồng, Lê Thị Khánh L số tiền 100.000 đồng, Huỳnh Nguyễn Thanh T7 số tiền 150.000 đồng, Tường S số tiền 150.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H3 số tiền 150.000 đồng, Nguyễn Lê N4 số tiền 300.000 đồng, Ngô Hồng L1 số tiền 150.000 đồng, Trương Việt T9 số tiền 150.000 đồng, Huỳnh Quý T10 số tiền 200.000 đồng, Lê Đức T11 số tiền 150.000 đồng, Trần Thị Kim D2 số tiền 300.000 đồng, Nguyễn Văn K số tiền 150.000 đồng, Huỳnh Trương Thanh N6 số tiền 150.000, Phan Tá A1 số tiền 150.000 đồng, Huỳnh Bảo Kim Y số tiền 150.000

đồng, **Đào Duy K1** số tiền 150.000 đồng, **Trần Phan Minh T12** số tiền 150.000 đồng, **Mai Thế D3** số tiền 200.000 đồng, **Phạm Tấn H4** số tiền 200.000 đồng, **Phạm Thị Hạnh D4** số tiền 100.000 đồng, **Phạm Thị Ngọc H5** số tiền 100.000 đồng, **Lê Hữu Bảo T13** số tiền 100.000 đồng, **Phạm Đoàn Thị L6** số tiền 100.000 đồng, **Lê Hữu B4** Thạch số tiền 100.000 đồng, **Ngô Thanh T15** số tiền 120.000 đồng, **Nguyễn Văn T16** số tiền 100.000 đồng, **Huỳnh Mạnh H6** số tiền 100.000 đồng, **Nguyễn Đức B** số tiền 200.000 đồng, **Tô Nam P** số tiền 200.000 đồng, **Lê Văn Nhật N7** số tiền 100.000 đồng, **Phan Thị Kim C3** số tiền 100.000 đồng, **Đỗ Thị Hồng N8** số tiền 100.000 đồng, **Đinh Thị Thanh H7** số tiền 1.550.000 đồng, **Nguyễn Thị Bích T17** số tiền 150.000 đồng, **Nguyễn Thị Thanh T18** số tiền 100.000 đồng, **Nguyễn Quốc B1** số tiền 100.000 đồng, **Lê Thị Bình M2** số tiền 100.000 đồng, **Phạm Thị Thái M3** số tiền 100.000 đồng, **Lê Thị Kiều L2** số tiền 100.000 đồng, **Nguyễn Văn Đ2** số tiền 100.000 đồng, **Nguyễn Tuấn K2** số tiền 100.000 đồng, **Phan Lê Minh C1** số tiền 100.000 đồng, **Phùng Thị Hồng G1** số tiền 100.000 đồng, **Phan Tường S1** số tiền 150.000 đồng, **Trần Thị Phương T19** số tiền 100.000 đồng, **Trần Lê Quốc N14** số tiền 150.000 đồng, **Lê Ngọc K3** Duyên số tiền 100.000 đồng, **Phan Thúy N10** số tiền 100.000 đồng.

+ Tuyên sung quỹ nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo **Trần Công T** 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng (*số tiền này bị cáo T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Lộc theo biên lai thu số 0002430 ngày 04/10/2023*)

+ Tuyên sung quỹ nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo **Đoàn Trắc T2** 5.000.000 (năm triệu) đồng (*số tiền này bị cáo T2 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Lộc theo biên lai thu số 0002427 ngày 21/9/2023*).

3. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo **Trần Công T** và **Đoàn Trắc T2** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

1. 4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam;
- VKSND H. Đại Lộc;
- Công an H. Đại Lộc;
- Chi cục THADS H.Đại Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Q. Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Vụ GDDKT1 – TANDTC;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Phượng